

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH



GIÁO TRÌNH
MÔN HỌC: PHÁP LUẬT DU LỊCH
NGÀNH: HƯỚNG DẪN DU LỊCH
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 408/QĐ-CĐTMDL ngày 05 tháng 07 năm 2022 của trường Cao đẳng Thương mại & Du lịch)

Thái Nguyên, năm 2022
(Lưu hành nội bộ)

LỜI NÓI ĐẦU

Du lịch Việt Nam đang phát triển nhanh chóng thu hút sự tham gia của nhiều tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư, nhiều loại hình dịch vụ du lịch mới ra đời, sự cạnh tranh trong nước và khu vực ngày càng trở nên gay gắt, yêu cầu về phát triển bền vững, vấn đề bảo vệ tài nguyên, môi trường du lịch ngày càng trở nên bức xúc, trước xu thế hội nhập quốc tế mạnh mẽ của Việt Nam đòi hỏi phải bổ sung, điều chỉnh nhiều nội dung chưa được quy định trong Luật Du lịch hoặc đã trở nên bất cập, cần nâng tầm của văn bản lên thành Luật Du lịch.

Sinh viên ngành du lịch hiện nay ngay từ khi ngồi trên ghế giảng đường cần được trang bị cho mình kiến thức cần thiết để hiểu về luật du lịch và sau khi ra trường có thể mở doanh nghiệp hoặc kinh doanh du lịch theo đúng quy định. Tất cả những vấn đề trên đòi hỏi phải có cơ chế luật pháp điều chỉnh các chủ thể tham gia vào quá trình du lịch với mục tiêu đảm bảo sự phát triển bền vững. Chính vì vậy: “Việc phổ biến Luật du lịch đối với sinh viên chuyên ngành Hướng dẫn du lịch trong đào tạo du lịch” là việc làm cần thiết và vô cùng quan trọng trang bị kiến thức nền tảng cho sinh viên sau khi ra trường và làm việc tại doanh nghiệp.

Nhằm tạo điều kiện cho người học có một bộ tài liệu tham khảo mang tính tổng hợp, thống nhất và mang tính thực tiễn sâu hơn. Nhóm người dạy chúng tôi đề xuất và biên soạn ***Pháp luật du lịch*** dành riêng cho người học trình độ Cao đẳng.

Nội dung của giáo trình bao gồm các chương sau:

Chương 1: Những vấn đề chung về pháp luật du lịch.

Chương 2: Pháp luật trong quản lý và kinh doanh du lịch

Chương 3: Xuất cảnh, nhập cảnh, cư trú.

Chương 4: Hướng dẫn viên du lịch

Giáo trình này dùng để giảng dạy cho sinh viên Cao đẳng Hướng dẫn du lịch của trường Cao đẳng Thương mại & Du lịch. Mặc dù đã rất cố gắng, giáo trình vẫn khó tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót nhất định cần được tiếp tục bổ sung, chỉnh sửa. Nhóm tác giả rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của độc giả, các nhà nghiên cứu để hoàn thiện giáo trình chất lượng nhất. Mọi ý kiến đóng góp xin vui lòng gửi về địa chỉ: ***hoathinthao@gmail.com***

Trân trọng cảm ơn./.

Nhóm biên soạn

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	2
MỤC LỤC.....	3
CHƯƠNG I	11
NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHÁP LUẬT DU LỊCH VIỆT NAM.....	11
I. TỔNG QUAN VỀ DU LỊCH	12
1. Khái niệm về du lịch.....	12
2. Tình hình và xu thế phát triển du lịch.....	14
II. PHÁP LUẬT VỀ DU LỊCH.....	15
1. Nguồn gốc pháp luật về du lịch	16
2. Phạm vi điều chỉnh.....	16
3. Đối tượng áp dụng	17
III. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DU LỊCH.....	17
1. Nội dung quản lý Nhà nước về du lịch	17
2. Bộ máy quản lý Nhà nước và phân cấp quản lý Nhà nước về du lịch	20
3. Chính sách phát triển về du lịch.....	22
CHƯƠNG II PHÁP LUẬT TRONG QUẢN LÝ VÀ KINH DOANH DU LỊCH	26
I. QUAN HỆ PHÁP LUẬT TRONG QUẢN LÝ VÀ KINH DOANH DU LỊCH.....	27
1. Chủ thể của quan hệ pháp luật trong quản lý và kinh doanh du lịch.....	27
2. Nội dung của quan hệ pháp luật trong quản lý và kinh doanh du lịch	31
II. PHÁP LUẬT VỀ KINH DOANH DU LỊCH	34
1. Khái quát về doanh nghiệp kinh doanh du lịch	35
2. Ngành nghề kinh doanh du lịch	35
3. Điều kiện kinh doanh du lịch.....	37
4. Thành lập doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh	40
5. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp kinh doanh du lịch.....	41
CHƯƠNG III NHẬP CẢNH, XUẤT CẢNH, CƯ TRÚ.....	45
I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG VỀ XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH	46
1. Khái niệm xuất cảnh, nhập cảnh	46
2. Thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh	49
3. Trục xuất, cưỡng chế xuất cảnh, buộc hoãn xuất cảnh.....	53

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI CỬA KHẨU	54
1. Kiểm soát người xuất - nhập cảnh	54
2. Kiểm soát hàng hóa xuất – nhập khẩu	55
3. Quy định về tiền mặt.....	65
III. LƯU TRÚ, ĐI LẠI Ở VIỆT NAM	67
1. Lưu trú ở Việt Nam.....	67
2. Đi lại ở Việt Nam.....	69
CHƯƠNG IV HƯỚNG DẪN VIÊN DU LỊCH	70
I. KHÁI NIỆM VÀ PHÂN LOẠI HƯỚNG DẪN VIÊN DU LỊCH.....	71
1. Khái niệm hướng dẫn viên du lịch.....	71
2. Phân loại hướng dẫn viên.....	71
II. THẺ HƯỚNG DẪN VIÊN	71
1. Điều kiện cấp thẻ hướng dẫn viên	71
2. Hồ sơ đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên.....	72
3. Trình tự cấp thẻ hướng dẫn viên	72
4. Trường hợp đổi, cấp lại, thu hồi thẻ hướng dẫn viên	73
III. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HƯỚNG DẪN VIÊN.....	73
1. Quyền của hướng dẫn viên	73
2. Nghĩa vụ của hướng dẫn viên	74
IV. XỬ LÝ VI PHẠM ĐỐI VỚI HƯỚNG DẪN VIÊN	74
1. Thẩm quyền xử lý	74
2. Các hình thức xử lý vi phạm pháp luật đối với hướng dẫn viên	75
3. Những điều hướng dẫn viên du lịch không được làm	76

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

1. Tên môn học: Pháp luật du lịch

2. Mã số môn học: MH21

3. Vị trí, tính chất môn học

3.1 Vị trí:

Môn học Pháp luật du lịch trong chương trình đào tạo Cao đẳng Quản trị nhà hàng, là môn học thuộc môn học tự chọn sau khi đã học các môn học chuyên môn ngành.

3.2 Tính chất:

Là môn học lý thuyết, được bố trí giảng dạy sau khi học sinh đã được học môn Pháp luật. Môn học này cung cấp cho học sinh những kiến thức cơ bản về pháp luật trong quản lý, kinh doanh du lịch; xuất cảnh, nhập cảnh, cư trú; quy chế pháp lý đối với hướng dẫn viên. Kết thúc môn học được đánh giá bằng hình thức thi hết môn.

4. Mục tiêu của môn học

4.1. Về kiến thức:

- + Nhận diện và trình bày được những nội dung cơ bản liên quan đến quy định của pháp luật về lĩnh vực du lịch
- + Nhận biết và trình bày được các khái niệm, các thuật ngữ pháp lý cơ bản, các hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh, đi lại, lưu trú, hướng dẫn viên trong hoạt động kinh doanh du lịch ở nước ta hiện nay.

4.2. Về kỹ năng:

- + Nhận biết được các quy định của pháp luật hiện hành về quản lý, kinh doanh du lịch;
- + Nhận biết được các quy định của pháp luật về các hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh, đi lại, lưu trú; quy định liên quan đến hướng dẫn viên trong hoạt động du lịch ở Việt Nam hiện nay- Giải thích được nội dung quản lý nhà nước về du lịch
- + Vận dụng kiến thức được học để xử lý các tình huống pháp luật trong lĩnh vực du lịch cũng như một số vi phạm pháp luật du lịch đơn giản

4.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Ý thức được tầm quan trọng của môn học và có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm.

- + Có ý thức học tập, có trách nhiệm và lương tâm nghề nghiệp, tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống, làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

5. Nội dung của môn học

5.1 Chương trình khung

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành, thực tập, bài tập, thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	20	435	157	255	23
MH01	Chính trị	4	75	41	29	5
MH02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH04	Giáo dục Quốc phòng -An ninh	4	75	36	35	4
MH05	Tin học	3	75	15	58	2
MH06	Ngoại ngữ	5	120	42	72	6
II	Các môn học chuyên môn	87	2055	766	1201	88
II.1	Môn học cơ sở	17	255	241	-	14
MH07	Tổng quan du lịch	3	45	43	-	2
MH08	Tâm lý du khách và kỹ năng GT	2	30	28	-	2
MH09	Lịch sử văn minh thế giới	2	30	28	-	2
MH10	Lịch sử VN	3	45	43	-	2
MH11	Cơ sở văn hóa VN	3	45	43	-	2
MH12	Văn hóa các dân tộc VN	2	30	28	-	2
MH13	Marketing du lịch	2	30	28	-	2
II.2	Môn học chuyên môn	66	1740	469	1201	70
MH14	Ngoại ngữ chuyên ngành du lịch	6	90	86	-	4
MH15	Lịch sử tôn giáo	2	30	28	-	2
MH16	Lễ hội Việt Nam	2	30	28	-	2
MH17	Quản trị lữ hành	2	30	28	-	2
MH18	Di tích LS và danh thắng VN	3	45	43	-	2
MH19	Địa lý du lịch VN	3	45	43	-	2
MH20	Tuyến điểm du lịch VN	3	45	43	-	2
MH21	Pháp luật du lịch	2	30	28	-	2
MH22	Lý thuyết nghiệp vụ HDDL	6	90	86	-	4
MH23	Tổ chức sự kiện	2	30	28	-	2
MH24	Môi trường AN-AT trong du lịch	2	30	28	-	2
MH25	Thực hành thiết kế tour du lịch	4	120	-	108	12
MH26	Thực hành hướng dẫn du lịch	6	180	-	164	16
MH27	Thực hành viết bài thuyết minh	3	90	-	82	8

MH28	Thực hành trên thực địa	3	90	-	82	8
MH29	Thực tập TN	17	765		765	
II.3	Môn học tự chọn(chọn 2 trong 4)	4	60	56	-	4
MH30	Nghiệp vụ lễ hành	2	30	28	-	2
MH31	Nghiệp vụ nhà hàng	2	30	28	-	2
MH32	Văn hóa ẩm thực	2	30	28	-	2
MH33	Nghiệp vụ lưu trú	2	30	28	-	2
	Tổng cộng	107	2490	923	1456	111

5.2 Chương trình chi tiết môn học

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành thí nghiệm, LT, BT	Kiểm tra
1	Chương I: Những vấn đề chung về pháp luật du lịch Việt Nam	5	5	0	0
2	Chương II: Pháp luật trong quản lý và kinh doanh du lịch	13	12	0	1
3	Chương III: Xuất cảnh, nhập cảnh, cư trú	5	5	0	0
4	Chương IV: Hướng dẫn viên	7	6	0	1
	Tổng cộng	30	28	0	2

6. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

6.1. Phòng học lý thuyết: Môn học được thực hiện tại phòng học lý thuyết

6.2. Dụng cụ và trang bị: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR

6.3. Học liệu: Phim, tranh ảnh minh họa các tình huống pháp luật, tài liệu phát tay cho học sinh, tài liệu tham khảo

7. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

7.1. Nội dung

+ Về kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, học sinh cần trình bày đầy đủ hệ thống kiến thức cơ bản của 4 bài

+ Về kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc thực hành các bài tập tình huống pháp luật

+ Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học

7.2. Phương pháp:

Người học đánh giá tích lũy môn học như sau:

7.2.1 Cách đánh giá

- Áp dụng quy chế đào tạo Trung cấp hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 04/2022/TT-LĐTBXH, ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Quy chế Tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy modun, tín chỉ của Nhà trường ban hành kèm theo Quyết định số 706/QĐ-CĐTMDL ngày 14/11/2019 và hướng dẫn cụ thể theo từng môn học/modun trong chương trình đào tạo.

- Hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo áp dụng tại Trường Cao đẳng Thương mại & Du lịch như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học	60%

7.2.2. Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá	Phương pháp tổ chức	Hình thức kiểm tra	Thời điểm kiểm tra
Thường xuyên	Viết/ Thuyết trình	Tự luận/ Trắc nghiệm/ Báo cáo	Sau 5 giờ.
Định kỳ	Viết/ Thuyết trình	Tự luận/ Trắc nghiệm/ Báo cáo	Sau 17 giờ và 29 giờ
Kết thúc môn học	Viết	Tự luận và trắc nghiệm	Sau 30 giờ

7.2.3. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm môn học là tổng điểm của tất cả điểm đánh giá thành phần của môn học nhân với trọng số tương ứng. Điểm môn học theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về đào tạo theo tín chỉ.

8. Hướng dẫn thực hiện môn học

8.1. Phạm vi, đối tượng áp dụng: Đối tượng Cao đẳng Quản trị nhà hàng học tại trường Cao đẳng Thương mại & Du lịch

8.2. Phương pháp giảng dạy, học tập môn học

8.2.1. Đối với người dạy

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống, câu hỏi thảo luận....

* **Hướng dẫn tự học theo nhóm:** Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm tìm hiểu, nghiên cứu theo yêu cầu nội dung trong bài học, cả nhóm thảo luận, trình bày nội dung, ghi chép và viết báo cáo nhóm.

8.2.2. Đối với người học: Người học phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi người học vào học môn học này (trang web, thư viện, tài liệu ...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu người học vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc môn học.

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

9. Tài liệu cần tham khảo:

- Luật số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017 về du lịch;

- Luật số 49/2019/QH14 của Quốc hội: **Luật xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam** ; Ngày ban hành, 22-11-2019

- Luật 23/2023/QH15 ngày 25/6/2023 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

- **Nghị định số 75/2020/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam**

- Thông tư 15/2011/TT-NHNN **quy định** về việc **mang ngoại tệ tiền mặt**, đồng Việt Nam tiền mặt của cá nhân khi xuất, nhập cảnh

- Hiến pháp 2013;

- Luật số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014 về Hải quan;

- Luật số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014 về Bảo vệ môi trường;
- Luật số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa;
- Luật số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001 về di sản văn hóa;
- Nghị định 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật du lịch;
- Nghị định số 96/2016/NĐ-CP quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;
- Nghị quyết số 103/NQ-CP ban hành ngày 6/10/2017 của Thủ tướng Chính Phủ về chương trình hành động của Chính Phủ thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/1/2017 của Bộ Chính trị khóa XII về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;
- Văn bản hợp nhất số 1433/VBHN-BVHTTDL ngày 10/4/2017 của Bộ Văn hóa – Thể thao và du lịch hợp nhất Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo
- Thông tư 06/2017/TT- BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.
- Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan tới hoạt động kinh doanh lưu trú, lữ hành, vận chuyển khách du lịch;
- Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến nghiệp vụ hướng dẫn du lịch.
- Các báo, tạp chí pháp luật có liên quan đến chương trình đào tạo.

CHƯƠNG I

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHÁP LUẬT DU LỊCH VIỆT NAM

❖ GIỚI THIỆU CHƯƠNG 1

Chương I là chương giới thiệu chung về các quy định chung của pháp luật Việt Nam trong lĩnh vực du lịch cũng như bộ máy quản lý nhà nước, phân cấp quản lý nhà nước Việt Nam về du lịch giúp người học có được kiến thức nền tảng và dễ dàng tiếp cận nội dung môn học ở những chương tiếp theo.

❖ MỤC TIÊU:

* Về kiến thức:

- + Trình bày được một số quy định chung của pháp luật trong lĩnh vực du lịch.
- + Trình bày được nội dung quản lý nhà nước; bộ máy quản lý Nhà nước và phân cấp quản lý nhà nước về du lịch

* Về kỹ năng:

- + Nhận diện được những tình hình và xu thế phát triển du lịch hiện nay và một số quy định của pháp luật về lĩnh vực du lịch.
- + Biết được bộ máy quản lý nhà nước về du lịch và phân cấp quản lý nhà nước về du lịch hiện nay

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- + Có khả năng làm việc nhóm, làm việc độc lập.
- + Hiểu được sự cần thiết phải quản lý lĩnh vực du lịch, nâng cao tinh thần đấu tranh, phòng, chống vi phạm pháp luật trong lĩnh vực du lịch.

❖ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP CHƯƠNG I

- Đối với người dạy: Sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực (diễn giảng, vấn đáp, dạy học theo vấn đề); yêu cầu người học thực hiện câu hỏi thảo luận và bài tập chương 1 (cá nhân hoặc nhóm).

- Đối với người học: Chủ động đọc trước giáo trình (chương 1) trước buổi học; hoàn thành đầy đủ câu hỏi thảo luận và bài tập tình huống chương 1 theo cá nhân hoặc nhóm và nộp lại cho người dạy đúng thời gian quy định.

❖ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG I

- Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Không
- Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu và các thiết bị dạy học khác
- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan.
- Các điều kiện khác: Không có

❖ KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG I

- Nội dung:

+ **Kiến thức:** Kiểm tra và đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức

+ **Kỹ năng:** Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.

+ **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Trong quá trình học tập, người học cần:

+ Nghiên cứu bài trước khi đến lớp

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.

+ Nghiêm túc trong quá trình học tập.

- **Phương pháp:**

+ **Điểm kiểm tra thường xuyên:** không có

+ **Kiểm tra định kỳ lý thuyết:** không có

❖ NỘI DUNG CHƯƠNG I

I. TỔNG QUAN VỀ DU LỊCH

1. Khái niệm về du lịch

Ngày nay du lịch đã trở thành một hiện tượng kinh tế - xã hội chủ yếu của nhiều nước trên thế giới, nhưng nhận thức về những khái niệm trong du lịch còn có những quan điểm khác nhau. Nếu nói đến lịch sử phát triển của du lịch thì có thể nói, du lịch đã xuất hiện từ thời xa xưa dưới hình thức các cuộc hành hương theo mục đích tôn giáo, các cuộc hành trình đến các khu nước khoáng để chữa bệnh, những cuộc dạo chơi dưới ánh trăng hoặc trên sông, trên hồ, trên biển, những cuộc đi săn và cả những chuyến leo núi... Đến năm 1800, du lịch chỉ được coi như hiện tượng trong xã hội mang tính tự phát, và khái niệm « *khách du lịch* » (**tourist**) đã được sử dụng trong thời kỳ này.

Để phục vụ những người hành hương có nhu cầu lưu trú (*ở trọ*), cộng đồng dân cư tại các điểm khách thường đến thăm đã xây dựng các cơ sở phục vụ khách ở trọ. Chủ nhà phục vụ khách các nhu cầu cần thiết như : nơi ở, chỗ nghỉ và các món ăn, khách khi ra đi thường kỷ niệm lại chủ nhà những món quà tương đương với công phục vụ của chủ nhà. Đây chính là mầm mống của hoạt động kinh doanh khách sạn. Để giữ uy tín và danh tiếng của cộng đồng đối với khách, chính quyền nơi khách đến đã có những quy định dành cho chủ nhà về việc đảm bảo an ninh, an toàn cho khách như : trách nhiệm của chủ cơ sở trong việc bảo vệ an toàn cho khách về người và đồ vật, ghi chép danh sách khách nghỉ tại cơ sở, nghiêm cấm việc tổ chức các dịch vụ trái với thuần phong mỹ tục và truyền thống của cộng đồng... Những quy định này vẫn còn được áp dụng cho đến ngày nay và đã được cụ thể hoá trong các văn bản pháp luật.

Du lịch phát triển do sự phát triển kinh tế của các quốc gia, đặc biệt là chính sách xã hội cho phép người lao động được nghỉ phép hàng năm nhưng vẫn hưởng lương cho mọi tầng lớp dân cư của các nước công nghiệp phát triển từ những năm 1930 đã tạo điều kiện cho mọi tầng lớp dân cư tham gia vào quá trình du lịch.

Tuyên bố Manila năm 1980 đã khẳng định : « Ở ngưỡng cửa của thế kỷ XXI và trong triển vọng của những vấn đề đặt ra cho nhân loại, hình như sự hợp thời và sự cần thiết phải phân tích sự kiện du lịch, chủ yếu theo sự chuyển biến quy mô của nó từ khi mà người lao động được hưởng quyền nghỉ có lương, từ đó du lịch từ chỗ thú vui của lớp người thượng lưu chuyển sang bình diện rộng hơn của đời sống xã hội và kế »

Vậy du lịch là gì ?

Nhà nghiên cứu nổi tiếng thế giới chuyên về du lịch, tiến sĩ Berkener đã viết : « Đối với du lịch, có bao nhiêu tác giả nghiên cứu thì có bấy nhiêu định nghĩa ». Nguyên nhân cơ bản là do cách nhìn nhận khác nhau đối với hiện tượng du lịch.

Về mặt xã hội, du lịch được xem như một hình thức nghỉ ngơi tích cực của con người. Theo quan điểm này, du lịch là một hiện tượng khách quan trong đời sống XH của con người. Với quỹ thời gian trong 24 giờ một ngày, trung bình một người làm việc 8 giờ, nghỉ ngơi 8 giờ và ngủ 8 giờ. Như vậy, thời gian làm việc 1 tuần từ 35-48 giờ. Ngoài ra là các ngày lễ tết và nghỉ phép. Do đó du lịch được coi như một phương tiện để phục vụ sự nghỉ ngơi tích cực của con người nhằm phục hồi sức khoẻ.

Về mặt văn hoá, Du lịch được coi như một hiện tượng nhân văn vì nó thể hiện ý thức qua trung gian của các giác quan. Tục ngữ Việt Nam có câu : « Đi một ngày đàng, học một sàng khôn ». Thông qua hoạt động du lịch, du khách được mở mang tầm nhìn, có cơ hội kiểm chứng các thông tin, bổ sung kiến thức về du lịch còn thiếu sót, tăng thêm sự hiểu biết... Có quan điểm còn cho rằng du lịch là một thú vui của một số người nhất định. Khi có thời gian rảnh rỗi họ sẽ đi du lịch. Đi du lịch để họ được thoải mái khám phá thiên nhiên, để nghỉ ngơi, giải trí sau những ngày làm việc mệt mỏi... Mặt khác, cốt lõi của các chương trình du lịch chính là các tài nguyên thiên nhiên và nhân văn. Trong Điều 1 của Pháp lệnh du lịch năm 1999 đã khẳng định: « Nhà nước Việt Nam xác định du lịch là một ngành kinh tế tổng hợp quan trọng, mang nội dung văn hoá sâu sắc... » và theo Luật du lịch của Nhật Bản: « Du lịch tượng trưng cho hoà bình và ổn định quốc tế của dân tộc. Sự phát triển du lịch là lý tưởng thiêng liêng của mọi người dân mong muốn hoà bình vĩnh viễn và sự hiểu biết lẫn nhau trong cộng đồng quốc tế, hưởng một cuộc sống lành mạnh và văn văn hoá »

Xét về mặt kinh tế, Du lịch góp phần phát triển nền kinh tế đất nước thông qua việc thực hiện « xuất khẩu tại chỗ », thu vào ngoại tệ, cải thiện cán cân thanh toán quốc tế, thực hiện việc tái phân chia nguồn thu nhập giữa các tầng lớp dân cư và giữa các vùng trong nước, tạo ra nhiều việc làm cho dân cư, nâng cao đời sống nhân dân, điều chỉnh sự chênh lệch về kinh tế - xã hội giữa các vùng.

Xét về mặt kinh doanh, hoạt động kinh doanh du lịch chủ yếu là dịch vụ và một phần là hàng hoá nhằm trợ giúp cho con người trong quá trình đi tham quan du lịch. Đó là những dịch vụ tổ chức các chương trình du lịch, dịch vụ hướng dẫn, dịch vụ vận chuyển khách bằng các phương tiện khác nhau, dịch vụ làm các thủ tục liên quan tới quá trình du lịch, dịch vụ cho thuê chỗ trọ, phục vụ ăn uống...

Chính vì vậy, trong bảng phân ngành nền kinh tế quốc dân, du lịch được xếp là một trong những ngành dịch vụ.

Vậy: «*Du lịch là các hoạt động có liên quan đến chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, tìm hiểu, giải trí, nghỉ dưỡng trong một khoảng thời gian nhất định* ». (khoản 1 Điều 4 Luật du lịch năm 2005 đã định nghĩa)

2. Tình hình và xu thế phát triển du lịch

Du lịch chỉ có thể phát triển trong những điều kiện nhất định: điều kiện chính trị hoà bình và ổn định ; đời sống kinh tế - xã hội phát triển; hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội tốt ; hệ thống và cơ chế quản lý Nhà nước về du lịch năng động; cơ sở vật chất kỹ thuật được cải thiện và nhân viên ngành du lịch có chuyên môn nghiệp vụ cao.

Mặt khác, cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật không chỉ tác động đến các lĩnh vực trong đời sống kinh tế xã hội mà còn là động lực phát triển du lịch. Việc cải tiến và hoàn thiện các phương tiện vận chuyển (máy bay, tàu hoả, tàu thuỷ, xe hơi...) đã tạo ra khả năng dễ dàng chở con người đến những vùng đất xa xôi, hẻo lánh nhất của trái đất với thời gian ngắn nhất và kéo dài thời gian lưu trú tại điểm du lịch. Sự phát triển kinh tế làm tăng nguồn thu nhập cho mọi tầng lớp dân cư, tạo ra nhiều thời gian nghỉ dưỡng để phục hồi sức lao động và tạo mọi điều kiện cho mọi người tham gia vào quá trình du lịch. Ngày nay, du lịch được coi như hộ chiếu của hoà bình và hữu nghị.

Chính những điều kiện đó đã thúc đẩy sự phát triển du lịch nhanh chóng....

Qua mười năm đầu của thế kỷ XXI với những biến động có thể nhận thấy đây là thế kỷ đầy ắp những cơ hội và thách thức. Thế giới sẽ phải đối mặt với nền kinh tế toàn cầu hóa, viễn thông hoá, công nghệ thông tin, giao thông hiện đại, những hoàn cảnh và những nhu cầu mới. Du lịch do đó mà cũng phát sinh những biến đổi.

Theo sự thay đổi của quan điểm giá trị, sự tăng trưởng dân số toàn cầu, sự phát triển kinh tế và chất lượng cuộc sống ngày một nâng cao dẫn đến nhu cầu du lịch của con người ngày càng đa dạng: Một là những nhu cầu du lịch truyền thống như *du lịch tập thể (theo đoàn), du lịch văn hoá, du lịch nghỉ ngơi* nội dung và phạm vi không ngừng được phát triển và mở rộng. Hai là những nhu cầu du lịch mới nổi lên, chủ yếu như *du lịch sinh thái, du lịch sức khoẻ, du lịch chữa bệnh, du lịch triển lãm thương mại, du lịch giải thưởng*... Ba là nhu cầu du lịch theo chuyên đề như *du lịch nông nghiệp, du lịch thám hiểm, du lịch khoa học, du lịch học tập*... các nhu cầu này sẽ ngày càng chiếm vị thế nhanh chóng của nhu cầu du lịch thế kỷ mới. Để làm hài lòng những yêu cầu đa dạng đó của du khách, sản phẩm du lịch sẽ phải mang những màu sắc và nội dung phong phú.

Song song với đó, sự phát triển của khoa học kỹ thuật, khoa học công nghệ cao đã tạo cho không gian hoạt động kinh tế của xã hội loài người vươn rộng ra thêm lục địa, đại dương, bầu trời và điều đó đã làm cho hoạt động du lịch của thế kỷ này xuất hiện xu thế phát triển chuyên sâu theo các hướng trên. Một là sự phát

triển đa dạng các *sản phẩm du lịch lục địa mang tính đặc thù* (những nơi mà đến giai đoạn này mới đủ điều kiện để phục vụ du khách) như leo núi cao, thám hiểm rừng sâu, khám phá hang động...; Hai là theo sự phát triển của kỹ thuật hàng hải và đóng tàu, của kỹ thuật nghiên cứu đại dương, sẽ không ngừng cung cấp điều kiện tốt cho con người thưởng thức cảnh đẹp dưới đáy biển và các trò chơi vận động dưới nước ngày càng đa dạng, phong phú v.v... Ba là theo sự phát triển của kỹ thuật vũ trụ và những phát minh mới về tàu vũ trụ, tàu bay trong không gian sẽ dẫn đến các loại hình du lịch như *đi máy bay trực thăng ngắm cảnh, du lịch lên mặt trăng, thám hiểm trái đất* sẽ trở thành những loại hình du lịch không gian mới của thế kỷ XXI.

Đồng thời, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật, công nghệ hiện đại và sự phát triển toàn cầu hoá nền kinh tế, làm cho xã hội loài người không ngừng tiến vào thời đại tiêu dùng, hơn nữa tiến thêm một bước của sự phát triển cá tính trong tiêu dùng, du lịch theo đó sẽ phát triển rất nhanh sự cá tính hoá. Thể hiện: một là khách đi ***du lịch tản mạn, đi lẻ*** tăng nhiều hơn so với khách đi theo đoàn. Hai là các đoàn du lịch ngày càng phát triển ***mô hình các đoàn du lịch nhỏ***, lấy gia đình làm hạt nhân. Ba là sự phát triển nhanh chóng của ***du lịch tự phục vụ*** - du khách tự chọn địa điểm du lịch, sắp xếp lộ trình du lịch và thời gian du lịch. Thế kỷ XXI là thế kỷ của sự phát triển lớn loại hình *du lịch tự phục vụ*.

Mặt tốt của du lịch mang đến cho đời sống kinh tế – xã hội và viễn cảnh sự phát triển của nó khiến cho chính phủ các nước và các nhà kinh doanh ngày càng chú trọng đến sự phát triển của ngành du lịch. Ngành du lịch từ việc thiết kế sản phẩm đến phương thức phục vụ, từ chính sách giá cả đến khai thác thị trường, từ vấn đề khai thác tài nguyên đến chiến lược nhân tài, sự cạnh tranh của nó sẽ ngày càng khốc liệt, mang tính toàn diện. Để tăng cường khả năng cạnh tranh cho mục đích du lịch, ngành du lịch các nước, các công ty du lịch đều không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng phục vụ du lịch, thông qua sự ưu tiên chất lượng phục vụ như cung cấp phục vụ vượt chất lượng, phục vụ đặc sắc, coi sự phục vụ là chìa khoá vàng để đem lại sự thành công; lấy sự toàn diện để nâng cao sức hấp dẫn và tính cạnh tranh cho ngành du lịch.

Việt Nam đã chính thức gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO), có nghĩa là ngành du lịch Việt Nam và những dịch vụ của nó đang cùng đứng trên một đường đua với quỹ đạo tiêu chuẩn quốc tế. Điểm quan trọng của cạnh tranh du lịch đó là nhân tài, đội ngũ nhân viên ngành du lịch Việt Nam đang đứng trước những cơ hội và thách thức. Những nhân viên du lịch trình độ phục vụ cao sẽ có cơ hội phát triển rất lớn, những nhân viên du lịch trình độ phục vụ thấp sẽ bị đào thải, khó có cơ hội tìm kiếm việc làm.

II. PHÁP LUẬT VỀ DU LỊCH

Pháp luật du lịch là một hệ thống tổng hợp các quy phạm pháp luật điều chỉnh các mối quan hệ xã hội trong lĩnh vực hoạt động du lịch (luật hành chính, luật kinh tế, luật tài chính, luật quốc tế, luật lao động...). Ví dụ:

+Quan hệ giữa ngành chủ quản với các doanh nghiệp du lịch;

- + Quan hệ giữa doanh nghiệp du lịch với du khách, giữa các doanh nghiệp du lịch với nhau;
- + Quan hệ nội bộ của doanh nghiệp du lịch;
- + Quan hệ giữa nước tiếp đón du lịch với khách du lịch nước ngoài;
- + Quan hệ giữa nước phát sinh nguồn khách (nước gửi khách) và nước đón tiếp khách.

Khái niệm Pháp luật du lịch hiểu theo nghĩa rộng: là tên gọi chung quy phạm điều chỉnh toàn bộ hoạt động du lịch (luật, pháp lệnh, nghị định, thông tư, quyết định,...trong lĩnh vực du lịch). Nghĩa hẹp: chỉ luật cơ bản về du lịch của các nước (ở Việt Nam, Luật Du lịch là luật cơ bản về du lịch)

1. Nguồn gốc pháp luật về du lịch

Có thể chia ra thành nguồn gốc trong nước và nguồn gốc quốc tế.

Nguồn gốc trong nước của pháp luật du lịch chỉ pháp luật trong nước dùng để điều chỉnh mối quan hệ xã hội trong lĩnh vực du lịch bao gồm: luật, pháp lệnh, nghị định,... Nguồn gốc trong nước của pháp luật về du lịch ở Việt Nam là Luật du lịch, các nghị định, quyết định, nghị quyết, chỉ thị..., các điều lệ của doanh nghiệp du lịch, quy định của Ban quản lý khu du lịch, điểm du lịch,...

Nguồn gốc quốc tế của pháp luật du lịch, bao gồm:

- + Hiệp ước quốc tế: bao gồm hiệp ước song phương, hiệp ước đa phương và công ước quốc tế như: Công ước thống nhất quy tắc vận tải hàng không du lịch.

- + Hiệp định.

- + Tuyên ngôn du lịch thế giới (tuyên ngôn Manila năm 1980, luật lệ du lịch do Tổ chức Du lịch Thế giới thông qua tại hội nghị Sofia năm 1985) là văn bản pháp lý do tổ chức du lịch quốc tế, hội nghị du lịch quốc tế đưa ra.. Chúng có sức ràng buộc đối với nước tham gia hoặc ký kết.

- + Thông lệ du lịch quốc tế là những quy định được hình thành trong thực tiễn lâu dài của hoạt động du lịch quốc tế và sử dụng nhiều lần ở các nước trên thế giới, là những quy định bất thành văn nhưng có hiệu lực ràng buộc đối với đương sự.

Ví dụ: Quy tắc đặt phòng trong khách sạn quốc tế (05 phòng khách được một phòng nội bộ).

2. Phạm vi điều chỉnh

Trong lý luận pháp luật, có nhiều quan điểm cho rằng, phạm vi điều chỉnh của pháp luật là “những ranh giới của việc sử dụng pháp luật vào điều chỉnh các quan hệ xã hội, đó là ranh giới của sự can thiệp công khai thông qua pháp luật của nhà nước vào các quan hệ xã hội”. Tuy nhiên, cần phân biệt khái niệm phạm vi điều chỉnh của một văn bản pháp luật và của pháp luật. Phạm vi điều chỉnh của pháp luật theo đó rộng hơn phạm vi điều chỉnh của văn bản pháp luật cụ thể. Nếu phạm vi điều chỉnh của pháp luật là phạm vi các quan hệ xã hội được pháp luật

điều chỉnh thì phạm vi điều chỉnh của một văn bản pháp luật là phạm vi các quan hệ xã hội được văn bản đó điều chỉnh. Như vậy, phạm vi điều chỉnh của Luật du lịch là:

“Luật này quy định về tài nguyên du lịch và hoạt động du lịch; quyền và nghĩa vụ của khách du lịch, tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch, tổ chức, cá nhân khác có hoạt động liên quan đến du lịch” (Điều 1 Luật Du lịch).

Tài nguyên du lịch là cảnh quan thiên nhiên, yếu tố tự nhiên, di tích lịch sử - văn hoá, công trình lao động sáng tạo của con người và các giá trị nhân văn khác có thể được sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch, là yếu tố cơ bản để hình thành các khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch. (Khoản 4 Điều 4 Luật Du lịch)

Hoạt động du lịch là hoạt động của khách du lịch, tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch, cộng đồng dân cư và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến du lịch. (Khoản 3 Điều 4 Luật Du lịch)

3. Đối tượng áp dụng

Điều 2 Luật du lịch quy định đối tượng áp dụng của Luật Du lịch là:

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động du lịch trên lãnh thổ Việt Nam .
2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư có hoạt động liên quan đến du lịch.

III. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DU LỊCH

1. Nội dung quản lý Nhà nước về du lịch

Nghị quyết đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 8 đã khẳng định: *“Phát triển nhanh du lịch, dịch vụ... từng bước đưa nước ta trở thành một trung tâm thương mại - dịch vụ có tầm cỡ trong khu vực”* và Nghị quyết 45/CP của Chính phủ khẳng định: *“Làm cho ngành du lịch nước ta sớm đuổi kịp ngành du lịch của các nước phát triển trong vùng và trên thế giới, đưa du lịch nước ta trở thành một ngành kinh tế quan trọng”*. Để thể chế hoá các mục tiêu của Đảng và Nhà nước tại Khoản 1 Điều 6 Luật Du lịch đã quy định: *“ Nhà nước có cơ chế, chính sách huy động mọi nguồn lực, tăng đầu tư phát triển du lịch để bảo đảm du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước”*

Du lịch là một ngành kinh tế tổng hợp, là một trong những lĩnh vực kinh doanh đem lại hiệu quả cao cho nền kinh tế quốc dân. Do đó *“phát triển du lịch là một hướng chiến lược quan trọng trong đường lối phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước nhằm góp phần thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Hoạt động du lịch phải đồng thời đạt hiệu quả cao trên nhiều mặt: kinh tế, chính trị, văn hoá, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội”* (Trích Chỉ thị 46 – CT/TU ngày 14/10/1994 của Ban chấp hành TƯ Đảng Cộng sản Việt Nam về lãnh đạo đổi mới và phát triển du lịch trong tình hình mới)

Trên quan điểm đó, Đảng và Nhà nước ta coi việc quản lý Nhà nước thông qua pháp luật đối với các hoạt động quản lý và kinh doanh du lịch là một tất yếu khách quan, là một trong những lĩnh vực quản lý mà bộ máy Nhà nước phải quan

tâm thực hiện. Vì vậy, “Nhà nước có chính sách khuyến khích, ưu đãi về đất đai, tài chính, tín dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư vào các lĩnh vực sau đây:

- a) Bảo vệ, tôn tạo tài nguyên du lịch và môi trường du lịch;
- b) Tuyên truyền, quảng bá du lịch;
- c) Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực du lịch;
- d) Nghiên cứu, đầu tư, xây dựng sản phẩm du lịch mới;
- đ) Hiện đại hoá hoạt động du lịch;
- e) Xây dựng kết cấu hạ tầng du lịch, cơ sở vật chất - kỹ thuật du lịch, nhập khẩu phương tiện cao cấp phục vụ cho việc vận chuyển khách du lịch, trang thiết bị chuyên dùng hiện đại cho cơ sở lưu trú du lịch hạng cao và khu du lịch quốc gia;
- g) Phát triển du lịch tại nơi có tiềm năng du lịch ở vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn nhằm sử dụng lao động, hàng hoá và dịch vụ tại chỗ, góp phần nâng cao dân trí, xoá đói, giảm nghèo”.

Ví dụ: Cộng đồng dân cư được tạo điều kiện để đầu tư phát triển du lịch, khôi phục và phát huy các loại hình văn hoá, nghệ thuật dân gian, ngành, nghề thủ công truyền thống; sản xuất hàng hoá của địa phương phục vụ khách du lịch, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân địa phương.

Hoạt động du lịch liên quan trực tiếp đến con người (*Khách du lịch*). Con người ở đây có quốc tịch, giới tính, tuổi tác, nghề nghiệp, trình độ nhận thức, mang phong tục tập quán, nếp sống, thói quen tiêu dùng khác nhau. Trong quá trình đi du lịch, những lợi ích chính đáng và hợp pháp của họ cần phải được bảo vệ. Vì vậy, “Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế, các tầng lớp dân cư tham gia hoạt động du lịch, mở rộng giao lưu hợp tác giữa du lịch Việt Nam với du lịch khu vực và quốc tế” và “Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài vào Việt Nam du lịch; công dân Việt Nam, người nước ngoài ở Việt Nam đi du lịch trong nước và nước ngoài; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của khách du lịch”. (Khoản 4, 5 Điều 6 Luật Du lịch)

Như chúng ta đã biết, bản chất của du lịch là sự đi lại vượt qua biên giới một Quốc gia nên Nhà nước có liên quan trực tiếp trong các chính sách và thủ tục xuất nhập cảnh đối với khách du lịch nước ngoài và công dân nước mình. Do đó, khuyến khích sự phát triển du lịch được sử dụng nhằm mục đích chính trị, đó là phương tiện nhằm thiết lập, cải thiện hoặc phát triển mối quan hệ giữa hai hay nhiều quốc gia. Ngoài ra, Nhà nước còn có thể dùng du lịch làm phương tiện để đề cao hình ảnh của mình - một nơi đến du lịch trên trường quốc tế. Hơn nữa, du lịch thường “chào bán” những thứ như phong cảnh đẹp, các di sản lịch sử - văn hóa của một khu vực và du lịch có thể được coi như một ngành “xuất khẩu”. Vì vậy, để tối đa hóa được lợi ích kinh tế, đặc biệt khả năng thu ngoại tệ của du lịch cho nước chủ nhà “Nhà nước bố trí ngân sách cho công tác quy hoạch; hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị du lịch, khu du lịch, điểm du lịch; hỗ trợ

công tác tuyên truyền, quảng bá du lịch, bảo vệ, tôn tạo tài nguyên du lịch và môi trường du lịch, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực du lịch”.(Khoản 3 Điều 6 Luật Du lịch).

Du lịch là một ngành có định hướng tài nguyên:

- Để phát triển du lịch bền vững;
- Để bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị của tài nguyên du lịch
- Bảo đảm lợi ích quốc gia, lợi ích cộng đồng, lợi ích chính đáng và an ninh, an toàn cho khách du lịch, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch.
- Bảo đảm sự tham gia của mọi thành phần kinh tế, mọi tầng lớp dân cư trong phát triển du lịch.
- Góp phần mở rộng quan hệ đối ngoại và giao lưu quốc tế để quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam .
- Và để thu hút ngày càng nhiều khách du lịch nước ngoài vào Việt Nam .

“Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện hình thành quỹ hỗ trợ phát triển du lịch từ nguồn đóng góp của các chủ thể hưởng lợi từ hoạt động du lịch, nguồn đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài” (Khoản Điều 6 Luật Du lịch).

Để tạo điều kiện trong phát triển du lịch, để đảm bảo lợi ích cho khách du lịch, danh tiếng và uy tín của đất nước, đòi hỏi các tổ chức cá nhân kinh doanh du lịch cũng như cộng đồng dân cư phải *“có trách nhiệm bảo vệ tài nguyên du lịch, bản sắc văn hoá địa phương; giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội, vệ sinh môi trường để tạo sự hấp dẫn du lịch”*. (Khoản 1 điều 7 Luật Du lịch)

Mục đích của chính sách phát triển du lịch là phát triển du lịch quốc tế và tạo điều kiện thuận lợi cho du lịch nội địa phát triển. Chính sách này sẽ góp phần tăng cường tình hữu nghị quốc tế, phát triển kinh tế đất nước, ổn định và nâng cao đời sống nhân dân, điều chỉnh sự chênh lệch về kinh tế giữa các vùng. Vậy nên, Nhà nước cần có những biện pháp cần thiết để tạo điều kiện cho du lịch phát triển. Những biện pháp mà nhà nước áp dụng để thực hiện được chính sách trên là:

- Tạo ra sự hấp dẫn để thu hút khách nước ngoài: Thông qua hoạt động tuyên truyền, quảng cáo ở nước ngoài, mở rộng và hoàn thiện các phương tiện giao thông vận tải quốc tế; cải tiến và giảm các thủ tục nhập xuất cảnh cho khách du lịch nước ngoài;
- Hoàn thiện các dịch vụ đón tiếp khách thông qua việc nâng cấp khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng, khu giải trí thể thao, phương tiện thông tin liên lạc và những trang thiết bị khác mà khách du lịch sử dụng, nâng cao chất lượng dịch vụ hướng dẫn du lịch, dịch vụ lễ hành, tăng cường giới thiệu về văn hoá, truyền thống lịch sử dân tộc;
- Xây dựng các khu du lịch cho khách nội địa và các tuyến du lịch cho khách nước ngoài một cách toàn diện và đồng bộ như: đường sá, sân bay, bến

cảng, đường sắt, bến bãi đỗ xe và các trang thiết bị khác phục vụ du lịch, đồng thời nối các khu du lịch với nhau để tạo thành tuyến du lịch phục vụ khách;

- Đảm bảo sự an toàn và thuận lợi cho khách du lịch sử dụng và tiêu thụ hàng hoá thông qua việc ngăn chặn các tai nạn có thể xảy ra trong khi đi du lịch và những hành động lừa đảo, kiếm lợi không chính đáng từ cơ sở phục vụ khách du lịch;

- Giảm bớt sự tập trung quá mức của khách du lịch vào một khu hoặc một điểm nào đó; tập trung phát triển du lịch ở những vùng kinh tế kém phát triển;

- Bảo vệ, duy trì và phát triển nguồn lực du lịch; Giữ gìn vẻ đẹp và vệ sinh môi trường tại các khu du lịch. Chính quyền địa phương phải có những biện pháp cụ thể để thực hiện chính sách phát triển du lịch.

2. Bộ máy quản lý Nhà nước và phân cấp quản lý Nhà nước về du lịch

Cơ quan quản lý nhà nước về du lịch ở một số nước

- Tại Nhật Bản: Ban du lịch thuộc Bộ giao thông vận tải
- Thái Lan: Bộ du lịch- thể thao
- Malaysia: là Bộ văn hóa nghệ thuật và du lịch, hiện nay là Bộ du lịch
- Trung Quốc: là cục du lịch Quốc gia cộng hòa nhân dân Trung Hoa dưới sự chỉ đạo của Quốc vụ viện (chính phủ).
- Hoa Kỳ: là cục du lịch và lễ hành Mỹ trực thuộc Bộ thương mại
- Canada: là Cơ quan du lịch quốc gia Canada thuộc Bộ công nghiệp – Khoa học và công nghệ
- Úc: là Ủy ban Du lịch nằm trong Bộ thể thao – Giải trí và du lịch
- Vương Quốc Anh: Cục du lịch Anh trực thuộc Bộ việc làm
- Pháp: Cơ quan quản lý du lịch Quốc gia Pháp nằm trong Bộ Giao thông, thiết bị, nhà ở và Du lịch
- Thụy Điển: Cơ quan quản lý nhà nước về du lịch thuộc Bộ Du lịch Thể thao và Thanh niên với tên gọi Ủy Ban Du lịch Thụy Điển
- Phần Lan: là văn phòng Du lịch Phần Lan thuộc Bộ thương mại

→ Cơ quan quản lý du lịch ở mỗi quốc gia phụ thuộc vào điều kiện, quy định của từng Quốc gia.

Cơ quan quản lý nhà nước và phân cấp quản lý nhà nước về du lịch ở Việt Nam

2.1. Cơ quan quản lý về du lịch cấp trung ương:

Chính phủ, Ban chỉ đạo nhà nước về du lịch, Bộ văn hóa thể thao và du lịch, Cơ quan du lịch Quốc gia (Tổng cục Du lịch). Điều 11 Luật Du lịch 2004 quy định: Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về du lịch.